

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/DS-ST.

Ngày: 13-8-2024.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phước.
2. Bà Đinh Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa:

* Nguyên đơn: Ông Phạm Châu P, sinh năm 1959.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Kim P1, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: số C, Khu phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn:

1. Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1977.

2. Bà Phạm Thị Thanh B, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: số C, Khu phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phạm Châu P là bà Phạm Thị Kim P1 trình bày:

Vào ngày 08/01/2020, ông H có mượn của ông P số tiền 200.000.000 đồng và hứa trả lãi suất theo ngân hàng N. Từ tháng 6/2023 cho đến nay thì ông H không đóng lãi và cũng không trả vốn như đã thỏa thuận. Theo đơn khởi kiện, ông P yêu cầu ông H phải trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 29/7/2024, ông P khởi kiện bổ sung yêu cầu ông H cùng vợ là Phạm Thị Thanh B phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi

Bị đơn Phạm Thanh H trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Thanh B là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2000. Quá trình chung sống do gặp khó khăn về kinh tế nên vợ chồng ông có đến nhà hỏi mượn ông Phạm Châu P số tiền 200.000.000 đồng, khi giao tiền thì hai vợ chồng cùng nhận nhưng khi lập văn bản là “*Tờ cam kết*” ngày 08/01/2020 thì chỉ có mình ông ký tên. Nay vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, ông có nộp hồ sơ xin ly hôn với bà B nhưng chưa được thụ lý giải quyết. Số tiền 200.000.000 đồng vay của ông P là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng cùng hỏi mượn, cùng nhận tiền về để chi trả cho nhưng nhu cầu chung của vợ chồng nên ông đề nghị mỗi người có trách nhiệm trả cho ông P 100.000.000 đồng.

Bị đơn Phạm Thị Thanh B trình bày:

Bà và ông Phạm Thanh H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2000. Quá trình chung sống ông H làm nhiều nghề như mua bán cây kiểng và đồ cổ, nuôi gà nhưng không thành công, phát sinh nhiều khoản nợ nhưng bà không biết rõ. Bà có hỏi ông Phạm Châu P vay số tiền 200.000.000 đồng, khi ông P đồng ý thì vợ chồng bà cùng nhận tiền nhưng chỉ có ông H ký tên vào “*Tờ cam kết*” ngày 08/01/2020. Sau khi nhận tiền về thì bà cất trong tủ, ông H cần bao nhiêu thì bà đưa cho đến khi hết số tiền trên, chỉ mình ông H sử dụng số tiền này. Bà thừa nhận là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng bà không đồng ý mỗi người có trách nhiệm trả cho ông P 100.000.000 đồng mà bà và ông H phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho ông P. Bà nhiều lần đề nghị bán đất của vợ chồng đang canh tác để trả nợ nhưng ông P không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Châu P khởi kiện tranh chấp tiền vay, bị đơn Phạm Thanh H và Phạm Thị Thanh B có địa chỉ cư trú tại huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông P khởi kiện yêu cầu ông H, bà B phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính “*Tờ cam kết*” ngày 08/01/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H thừa nhận có vay số tiền 200.000.000 đồng của ông P và có ký tên vào “*Tờ cam kết*” ngày 08/01/2020. Tuy nhiên theo ông thì đây là nợ chung của ông và vợ trong thời kỳ hôn nhân, ông đồng ý trả số tiền trên cho ông P nhưng bà B cũng phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng ông.

[4] Trong nội dung của “*Tờ cam kết*” ngày 08/01/2020 có ghi nhận lãi suất như ngân hàng N. Sau khi vay tiền thì ông H, bà B đều cho rằng có đóng lãi cho ông P, vì là quan hệ cha con nên khi đóng lãi không lập văn bản và cũng không nhớ đã đóng bao nhiêu tiền lãi. Ông H, bà B đều không có yêu cầu tính lại tiền lãi đã đong

nên ghi nhận. Ông P không yêu cầu tính lãi, do đây là sự tự nguyện của ông P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Châu P.

[6] Về án phí: Ông H, bà B có trách nhiệm trả cho ông P số tiền 200.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% của số tiền trên là 10.000.000 đồng theo quy định của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Châu P.

Buộc ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị Thanh B có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Châu P số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Ghi nhận việc ông Phạm Châu P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị Thanh B phải liên đới nộp 10.000.000 (Mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Như Phương